

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ YÊN BÁI
TỈNH YÊN BÁI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40 /2021/ HNGĐ – ST

Ngày 18/8/2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thành, bà Nguyễn Ngọc Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Giang – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc: “ *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Hoài N - sinh năm 1981.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường N, TP Y, tỉnh Yên Bái. Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2021, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Hoài N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày 30-12-2009 trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong việc xây dựng kinh tế gia đình, nuôi dạy con cái và đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị T có 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Gia K, sinh ngày 11-7-2010 và cháu Lê Đức T1, sinh ngày 30-7-2014. Trong quá trình giải quyết anh nhất trí để chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Tại phiên tòa anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn như anh N đã trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Nay anh N làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân TP Y giải quyết việc ly hôn, chị không nhất trí vì chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Chị và anh Lê Hoài N có 02 con chung như anh N đã trình bày. Nếu phải ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu vì anh N thường xuyên đi làm xa nhà. Tại phiên tòa hôm nay chị T yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi hai con cùng chị là 1.500.000/một cháu/một tháng.

Về tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn là chị Nguyễn Thị T có địa chỉ tại Tổ dân phố Đ, phường N, TP Y, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hoài N và chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn vào năm 2009 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết, anh chị đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành anh N kiên quyết xin ly hôn, chị T xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng anh N, chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của anh N là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Lê Hoài N và chị Nguyễn Thị T có 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Gia K, sinh ngày 11-7-2010 và cháu Lê Đức T1, sinh ngày 30-7-2014. Anh N, chị T đều có nguyện vọng xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện các cháu đang có cuộc sống ổn định cùng chị T, anh N thường xuyên đi làm xa nhà nên

giao cho chị T chăm sóc các cháu là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như nguyện vọng của các cháu. Cần buộc anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị T là 1.500.000 đồng/một cháu.

[4] Về tài sản và nợ chung: Anh Lê Hoài N và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Các vấn đề khác:

- Về án phí : Anh Lê Hoài N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hoài N được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Nguyễn Gia K, sinh ngày 11-7-2010 và cháu Lê Đức T1, sinh ngày 30-7-2014 đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Anh N phải cấp dưỡng nuôi hai con cùng chị T mỗi tháng là 1.500.000 đồng/một cháu kể từ tháng 9-2021.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lê Hoài N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nhưng được trừ và số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0009276 ngày 15-6-2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Anh N còn phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Hoài N và chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Y;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Y;
- Các đương sự;
- UBND xã X, N, Ninh Bình;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thế Hòa

